

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2018/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 13 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở
hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHOÁ XI KỶ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo nghị quyết quy định thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định:

1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản được quy định tại điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ

tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (*sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP*).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

b) Tài sản vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu.

c) Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế.

3. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản (*trừ bất động sản và xe ô tô các loại*) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản (*trừ bất động sản và xe ô tô các loại và tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản*) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản (*trừ bất động sản và xe ô tô các loại*) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư do các cơ quan cấp huyện ký hợp đồng dự án.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu có giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 vụ việc.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 vụ việc do người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình quyết định tịch thu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do người có thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu có giá trị dưới 500 triệu đồng/ 01 vụ việc (*trừ trường hợp phương tiện vi phạm hành chính là ô tô và phương tiện tham gia giao thông không được quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh chuyển giao trong trường hợp giá trị vật chứng của một vụ án, giá trị tài sản của người bị kết án bị tịch thu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (*trừ vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là bất động sản, xe ô tô các loại và phương tiện tham gia giao thông được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng của vụ án, tài sản của người kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp cấp huyện chuyên giao trong trường hợp giá trị vật chứng của một vụ án, giá trị tài sản của người bị kết án bị tịch thu dưới 500 triệu đồng (*trừ vật chứng của vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là bất động sản, ô tô các loại và phương tiện tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế

1. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế đối với các tài sản, di sản không phải là bất động sản mà tổng giá trị của tài sản dưới 500 triệu đồng (*trừ tài sản là ô tô các loại và phương tiện tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; phương tiện tham gia giao thông đường thủy*).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế đối với:

a) Tài sản là phương tiện tham gia giao thông được quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Bất động sản vô chủ, di sản là bất động sản không có người thừa kế có giá dưới 01 tỷ đồng.

c) Tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do cơ quan thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện tìm được có giá dưới 01 tỷ đồng (*trừ tài sản là ô tô các loại và phương tiện tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Văn Hùng